



TỰA ĐỀ BÀI BÁO NGHIÊN CỨU NGÀNH NGÔN NGỮ: ĐỘ DÀI VÀ KẾT CẤU PHỔ BIẾN

Đỗ Xuân Hải¹ và Nguyễn Văn Nở¹

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 10/12/2012

Ngày chấp nhận: 19/06/2013

Title:

Research article titles in
Linguistics: Typical length and
prevalent structural construction

Từ khóa:

Bài báo nghiên cứu, tựa đề, ngôn
ngữ học, khối liệu, tạp chí

Keywords:

Research articles, titles,
linguistics, corpus, journals

ABSTRACT

This article addresses the issues of length and structural construction of research article titles in Linguistics in Vietnamese. Systematic and careful examination of a corpus of 260 titles representing 260 research articles selected from 51 issues in two leading journals in Linguistics published between 2010 and 2012 in Vietnam led to data-based specifications of the two constructs under investigation. Due to the limited size and scope of the corpus, call for replication research is made by the researchers in the hope that findings of this study will be validated through further investigation into the same research topic by other researchers. Discipline-based and cross-disciplinary research agenda is also suggested.

TÓM TẮT

Trong bài viết này, chúng tôi xem xét và báo cáo độ dài cũng như cấu trúc phổ biến của tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ xuất bản bằng tiếng Việt trên khối liệu gồm 260 tựa đề trích ra từ 260 bài báo nghiên cứu đăng tải trên hai tạp chí chuyên ngành ngôn ngữ hàng đầu tại Việt Nam trong khoảng thời gian 2010 và 2012. Do số lượng và phạm vi khối liệu trong nghiên cứu này còn hạn chế, chúng tôi mong sẽ có những nghiên cứu lặp lại giúp xác nhận giá trị đúng đắn cho kết quả nghiên cứu của chúng tôi. Chúng tôi cũng đề nghị phát triển hướng nghiên cứu các nội dung này cho tựa đề bài báo nghiên cứu khoa học trong các chuyên ngành khác và giữa các chuyên ngành trong tiếng Việt.

1 GIỚI THIỆU

Do tầm quan trọng trong việc phổ biến và hướng đến sự đồng thuận kiến thức trong cộng đồng khoa học, cộng với áp lực những người làm nghiên cứu khoa học phải công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín, bài báo nghiên cứu có lẽ là thể loại được quan tâm nhiều nhất trong các nghiên cứu thể loại cho đến nay, đặc biệt là trong tiếng Anh. Người có đóng góp lớn cho

sự bùng nổ nghiên cứu trong lĩnh vực này từ ba thập kỷ qua là Swales khi ông xuất bản nghiên cứu *Aspects of article introductions* (Swales, 1981) và sau đó là cuốn sách quan trọng *Genre analysis: English in academic and research settings* (Swales, 1990), đặt nền tảng lý thuyết ban đầu cho nghiên cứu phân dẫn nhập bài báo nghiên cứu trong tiếng Anh. Lý thuyết này của Swales không những đã được áp dụng cho rất nhiều nghiên cứu thể loại về

phần mở đầu bài báo nghiên cứu khoa học trong tiếng Anh và nhiều thứ tiếng khác (ví dụ: Samraj, 2002; Jogthong, 2001; Adnan, 2011), mà còn mở rộng cho nghiên cứu các phần khác của một bài báo nghiên cứu như phần *Tóm tắt* (ví dụ, Pho Phuong Dzung, 2008), phần *Tổng quan tài liệu* (ví dụ, Lim 2006), phần *Kết quả* (ví dụ, Brett, 1994), phần *Thảo luận* (ví dụ, Hopkins & Dudley Evans, 1988) và phần *Kết luận* (ví dụ, Ruiying & Allison, 2003).

So với các phần khác, những nghiên cứu phần tựa đề bài báo nghiên cứu nhận được sự chú ý rất khiêm tốn trong lĩnh vực phân tích thể loại trong tiếng Anh (Anthony, 2001; Cheng, Kuo, & Kuo, 2012). Điều này cũng đúng với tình hình nghiên cứu vấn đề này trong tiếng Việt (xem Trịnh Sâm, 2000). Sự thiếu hụt những khảo sát chuyên sâu về tựa đề bài báo nghiên cứu là thiệt thòi lớn cho những nhà nghiên cứu có ít kinh nghiệm xuất bản. Tuy bài báo được viết hay nhưng cấu tạo tựa đề không tốt có thể dẫn đến nội dung không được đưa đến độc giả dễ dàng và nhanh chóng. Ngày nay, có rất nhiều bài báo được xuất bản với nội dung phong phú và đa dạng, vì vậy khi độc giả muốn tìm được bài báo phù hợp với yêu cầu của mình thì phần lớn họ dựa vào tựa đề bài báo. Do đó, “điểm tiếp xúc đầu tiên” giữa tác giả bài báo và người đọc sẽ là tựa đề bài báo (Haggan, 2004, tr. 296)- phần được tìm đọc đầu tiên trước khi người đọc quyết định có đọc tiếp nội dung hay không (Haggan, 2004; Jalilifar, 2010). Nói như Day (1994, dẫn theo Anthony, 2001): “tựa đề bài báo khoa học sẽ được đọc bởi hàng ngàn người”, nhưng “rất ít người, nếu có, đọc toàn bộ bài báo” (tr. 15).

Để đáp ứng nhu cầu viết tốt một bài báo nghiên cứu, nhiều tài liệu hướng dẫn hay đề tài nghiên cứu đã được xuất bản trong đó có đề cập đến việc xây dựng một tựa đề hiệu quả cho bài báo nghiên cứu (ví dụ: Day, 1979; Swales & Feak, 2004, Trịnh Sâm, 2000; Phạm Thế Bảo, 2008; Nguyễn Văn Tuấn, 2011). Những hướng dẫn trong các tài liệu này, bên cạnh khía cạnh hữu ích hỗ trợ viết tựa đề bằng cách

đưa ra một số hướng dẫn viết mang tính gợi ý, lại có thể bị phê phán vì những hướng dẫn đó không thống nhất với nhau giữa các tác giả. Thêm vào đó, một số hướng dẫn còn mang tính áp đặt, dựa trên cảm tính và quan sát chủ quan của tác giả, hoặc dựa trên số lượng khối liệu làm ngữ liệu phân tích chưa đủ lớn và chưa chú ý đến đặc thù bài báo nghiên cứu từng chuyên ngành. Ví dụ, về độ dài của một tựa đề bài báo nghiên cứu, hướng dẫn đưa ra là “ngắn” (Day, 1979, Phạm Thế Bảo, 2008, Nguyễn Văn Tuấn, 2011), nhưng Swales & Feak (2004) thì lại cho rằng độ dài ngắn còn tùy từng chuyên ngành. Bên cạnh đó, do “ngắn” và “dài” còn là khái niệm phụ thuộc vào quan điểm tri giác của mỗi người nên để xác định chúng, cần phải có những nghiên cứu dựa trên dữ liệu để xác định số hay khoảng số có giới hạn cụ thể tạo cơ sở cho sự so sánh chính xác. Thực ra, những nghiên cứu dựa trên phân tích khối liệu gần đây cho thấy có sự khác biệt về độ dài và cấu trúc của tựa đề bài báo giữa các ngành nghiên cứu khác nhau trong tiếng Anh (ví dụ: Haggan, 2004; Soler, 2007; Wang & Bai, 2007) và giữa các ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: Soler, 2011). Theo tìm hiểu của chúng tôi, dường như chưa có những công trình chuyên sâu tương tự được công bố trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Việt.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu hai nội dung sau: (i) độ dài phổ biến của tựa đề, được tính bằng số lượng tiếng có trong một tựa đề, và (ii) cấu trúc tựa đề dựa trên phân tích khối liệu gồm 260 tựa đề chọn ra từ 260 bài báo nghiên cứu trong các số tạp chí xuất bản từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012 của tạp chí *Ngôn Ngữ* và từ tháng 01/2010 đến tháng 3/2012 của tạp chí *Ngôn Ngữ và Đời Sống*, hai tạp chí nghiên cứu ngôn ngữ uy tín ở Việt Nam. Chúng tôi chọn đơn vị tiếng làm đơn vị cơ bản để lượng hóa độ dài tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ trong tiếng Việt thay vì đơn vị từ như các nghiên cứu trong tiếng Anh đã thực hiện (ví dụ: Haggan, 2004; Soler, 2007; Wang & Bai, 2007). Thứ nhất là do đặc thù của đơn vị tiếng và từ trong tiếng Việt. Sự đan xen, giao nhau và do vậy nhiều khi khó phân biệt của hai đơn vị này có

thể thấy được trong định nghĩa về từ sau đây của Đỗ Hữu Châu (2006, tr. 29):

Từ của tiếng Việt là một hoặc một số âm tiết cố định, bất biến về hình thức ngữ âm theo các quan hệ hình thái học (như quan hệ về số, về giống ...) và cú pháp trong câu, nằm trong một kiểu cấu tạo nhất định, mang những đặc điểm ngữ pháp nhất định, ứng với những nghĩa nhất định, sẵn có đối với mọi thành viên của xã hội Việt Nam...

Tiếng trong tiếng Việt là một loại hình vị đặc biệt vì nó trùng với âm tiết, nhưng chưa đối lập hẳn với từ vì tuy một số lớn tiếng trong tiếng Việt là từ, nhưng một số tiếng khác thì lại chưa đáp ứng hết các yêu cầu cần có của một từ (Nguyễn Tài Căn, 1998). Tuy nhiên, theo Diệp Quang Ban (2005a), hiện nay có sự thừa nhận giữa các nhà nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam rằng tiếng là yếu tố cơ sở của từ. Cũng theo tác giả này, cái biểu hiện của tiếng có vô âm thanh tương đương âm tiết và cái được biểu hiện của tiếng được xác định dựa trên ý nghĩa, từ đó ta có tiếng có ý nghĩa và tiếng không có ý nghĩa.

Bên cạnh đó, do có nhiều cơ sở cho việc phân loại từ trong tiếng Việt nên có thể dẫn đến vấn đề cho việc so sánh các kết quả nghiên cứu nếu tác giả chọn các cơ sở phân loại khác nhau. Ví dụ, theo Đỗ Hữu Châu (2006) và Nguyễn Tài Căn (1998), từ trong tiếng Việt có thể được phân loại theo âm tiết (từ đơn tiết, từ đa tiết), theo từ tố (từ đơn, từ phức), theo ngữ nghĩa (từ có nghĩa thực, từ có nghĩa hư) hay theo nguồn gốc từ (từ thuần Việt, từ Hán Việt). Trong nghiên cứu này, trước hết chúng tôi chọn đơn vị tiếng vì đây là yếu tố cơ sở của từ và vì chúng tôi sẽ sử dụng chức năng Word Count của phần mềm Microsoft Word 2003 để tính độ dài tựa đề, việc chọn đơn vị tiếng sẽ là cơ sở quy chiếu chuẩn cho các nghiên cứu tương tự sẽ được tiến hành. Nhờ vào đó, việc tăng cường độ tin cậy cũng như so sánh kết quả giữa các nghiên cứu sẽ được thực hiện thuận tiện và chính xác hơn.

Kết quả của nghiên cứu này sẽ góp phần đưa ra bằng chứng dữ liệu cụ thể hóa, định

lượng những hướng dẫn xây dựng tựa đề bài báo cho ngành nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam. Chúng tôi cũng hy vọng kết quả nghiên cứu của chúng tôi sẽ giúp định hướng hay làm bằng chứng tham khảo cho những người chưa có nhiều kinh nghiệm xuất bản nghiên cứu ngành ngôn ngữ bằng tiếng Việt và các giảng viên dạy các học phần có liên quan đến cách viết bài báo nghiên cứu cho ngành học này trong các trường đại học ở Việt Nam.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Tạo khối liệu

Chúng tôi bắt đầu việc chuẩn bị khối liệu cho đề tài bằng cách chọn tạp chí nghiên cứu từ đó chọn ra bài báo nghiên cứu và tách phần tựa đề. Sự lựa chọn hai tạp chí *Ngôn ngữ và Ngôn ngữ và Đời Sống* đảm bảo các tiêu chí mà Nwogu (1997) đưa ra về chọn nguồn dữ liệu từ đó xây dựng khối liệu: (i) tính đại diện cho các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành ngôn ngữ ở Việt Nam, (ii) uy tín chuyên môn của tạp chí, và (iii) người làm nghiên cứu phải tiếp cận được các tạp chí này. Bên cạnh đó, khối liệu được tạo lập còn đáp ứng các tiêu chí tương đương quan trọng khác như cùng thời gian xuất bản, cập nhật, hai tạp chí này đều có quy trình phản biện khoa học các bài đăng trong tạp chí của mình. Tuy vậy, do hai tạp chí không có các tiêu đề cho thấy bài viết được in trong số tạp chí có phải là bài báo nghiên cứu hay không, chúng tôi thấy cần thiết phải xây dựng một bộ tiêu chí giúp xác định bài báo nghiên cứu trong tập hợp những bài viết được in để từ đó tách ra các tựa đề phục vụ cho nghiên cứu.

Trên cơ sở xem xét khối liệu nghiên cứu, trao đổi riêng với một biên tập viên đương nhiệm nhiều kinh nghiệm biên tập bài báo khoa học ngành ngôn ngữ, tham khảo Thông tư 16 /2009/TT-BGDĐT (Chương 1, Điều 2), kế thừa và phát triển các định nghĩa và tiêu chí xác định bài báo nghiên cứu trong tiếng Việt của Hữu Đạt (2001), Diệp Quang Ban (2005b) và Nguyễn Văn Tuấn (2011), chúng tôi sử dụng các đặc điểm sau để xác định bài báo nghiên cứu:

(i) Là văn bản có độ dài từ 2.000 đến dưới 10.000 từ và cấu thành bởi nhiều đoạn văn.

(ii) Có cấu trúc tổng thể dễ dàng nhận biết được bởi các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu.

(iii) Cấu trúc tổng thể của một bài báo nghiên cứu thường có hai dạng:

Tựa đề - (Tóm tắt) – Đặt vấn đề - Nội dung – Kết luận – Tài liệu tham khảo, hoặc

Tựa đề - (Tóm tắt) – Đặt vấn đề - Phương pháp nghiên cứu – Kết quả - Thảo luận – Kết luận – Tài liệu tham khảo.

(iv) Đã trải qua quy trình phân biện khoa học và được in trong tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo, tạp chí khoa học của viện nghiên cứu, trường đại học.

(v) Trình bày nghiên cứu đã thực hiện được tổ chức có hệ thống với mục đích: mở rộng kiến thức cho lĩnh vực nghiên cứu, hoặc/và phục vụ mục đích ứng dụng, giải quyết vấn đề trong thực tiễn đời sống.

Đối chiếu với các bài viết đăng trên các số tạp chí là nguồn ngữ liệu, chúng tôi đã chọn ra được 260 bài báo nghiên cứu thỏa mãn các tiêu chí trên. Thông tin cơ bản về khối liệu được sử dụng cho nghiên cứu này được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Thông tin cơ bản về khối liệu

Tên tạp chí	Các số tạp chí	Số lượng bài báo được chọn	Số tựa đề được chọn
Ngôn	1, 2/ 2012	10	10
Ngữ	1-12/ 2011	65	65
Ngữ	1-12/ 2010	63	63
Ngôn	1+2, 3/ 2012	15	15
Ngữ và	1+2-12/2011	52	52
Đời Sống	1+2-12/ 2010	55	55
Tổng cộng		260	260

2.2 Quy trình thực hiện nghiên cứu

Sau khi đã tạo được khối liệu, chúng tôi đã thực hiện quy trình nghiên cứu như sau:

2.2.1 Tìm hiểu độ dài tựa đề

(i) Nhập chính xác các tựa đề từ các bài báo

được chọn vào 1 file Word, tiến hành gắn một mã số cho mỗi tựa đề với cấu trúc bao gồm chữ và số trong đó hai ký tự chữ cái đại diện cho tên tạp chí và số tiếp sau đó là đại diện cho thứ tự tựa đề bài báo nghiên cứu. Ví dụ: NN1, DS122.

(ii) Dùng chức năng Word Count của Word 2003 để đếm số lượng tiếng có trong mỗi tựa đề. Ví dụ: với tựa đề *Sự linh hoạt của tiêu điểm trong câu hỏi*, kết quả đếm sẽ cho kết quả là có 09 tiếng trong tựa đề này.

(iii) Tạo một file Excel 2003. Sử dụng các mã số tựa đề làm yếu tố định danh, nhập số lượng tiếng đếm được vào mỗi ô tương ứng. Dùng Excel 2003 để tính toán độ dài trung bình của các tựa đề (AVERAGE), tựa đề có nhiều tiếng nhất (MAX), tựa đề có ít tiếng nhất (MIN), tựa đề với số tiếng được nhiều tác giả sử dụng nhất (MODE).

(iv) Trong file Excel 2003 đã tạo, tính toán tần suất xuất hiện của tựa đề với số lượng tiếng nằm bên phải và bên trái tham số MODE để phân lập và quyết định mở biên độ tính toán phạm vi số lượng tiếng cho tựa đề được nhiều tác giả sử dụng nhất. Chúng tôi vận dụng tỷ lệ xác định là 60% (Swales, 1990; Kanoksilapatham, 2005), mức xác định cho một hành động tu từ bắt buộc trong nghiên cứu thể loại ESP (English for Specific Purposes - Tiếng Anh cho mục đích chuyên biệt).

2.2.2 Tìm hiểu cấu trúc tựa đề

(i) Xem xét khối liệu để tìm ra các kiểu cấu trúc tựa đề dựa trên cấu trúc ngữ pháp của từ loại chính trên cơ sở tham khảo cách xác định và phân loại của Anthony (2001), Haggan (2004), Wang & Bai (2007), Soler (2007, 2011), Jalilifar (2010), Cheng, Kuo, & Kuo (2012). Các kiểu cấu trúc sau đã được phát hiện trong khối liệu nghiên cứu của chúng tôi và các ví dụ minh họa cũng được lấy từ khối liệu nghiên cứu.

Tựa đề là cụm danh từ: tựa đề là cụm từ trong đó có thành phần chính là danh từ/cụm danh từ có vị trí đứng đầu cụm từ. Ví dụ:

Sự linh hoạt của tiêu điểm trong câu hỏi

Ý nghĩa cực cấp trong tiếng Việt và tiếng Anh

Tựa đề là cụm động từ: tựa đề là cụm từ trong đó có thành phần chính là động từ có vị trí đứng đầu cụm từ. Ví dụ:

Khảo sát các đơn vị thành ngữ trong tiêu thuyết của Hồ Biểu Chánh

Tìm hiểu cách tạo nghĩa của các thuật ngữ là cụm từ trong tiếng Anh

Tựa đề là cụm giới từ: tựa đề là cụm từ đứng đầu bằng một giới từ. Ví dụ:

Về chủ ngữ giả trong tiếng Việt

Về những con đường tạo ra thuật ngữ luật số hữu trí tuệ tiếng Việt

Tựa đề ghép: Tựa đề bao gồm hai phần, được phân cách bằng dấu hai chấm hay dấu gạch nối ngang. Thường thì hai phần này có mối quan hệ hỗ trợ nhau về nghĩa. Ví dụ:

Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của cấu trúc trừu tượng

Hoạt động hành chức của ngôn ngữ - Những vận động bên trong

Tựa đề có tiêu đề phụ: Tựa đề chứa tiêu đề phụ được đánh dấu bởi hai dấu ngoặc đơn bao quanh tiêu đề phụ này.

Hành vi khen trong hội thoại dạy học (Khảo sát ở bậc trung học cơ sở)

Tìm hiểu hiện tượng chuyển nghĩa của nhóm từ chỉ không gian trong tiếng Việt (liên hệ với tiếng Nga)

Tựa đề là một câu hỏi: Tựa đề này là câu đơn đầy đủ, có cấu trúc là một cụm chủ vị, kết thúc bằng dấu hỏi. Ví dụ:

Thời gian trong tiếng Việt là yếu tố có tính phổ quát?

(ii) Tạo mã cho các cấu trúc phát hiện được trong các tựa đề: NP đại diện cho cụm danh từ, VP cho cụm động từ, PP cho cụm giới từ, CP cho cấu trúc ghép, SB cho cấu trúc tựa đề có tiêu đề phụ, và QS cho tựa đề là một câu hỏi. Nhập những mã này vào vị trí tương ứng trong khối liệu trong file Excel. Những tựa đề đã

được nhập vào một loại rồi thì không được tính thêm vào loại khác.

(iii) Dùng Excel 2003 để tiến hành thống kê.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Độ dài của tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ trong tiếng Việt

Bảng 2 cho thấy kết quả một số nội dung tìm hiểu về độ dài tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ trong tiếng Việt từ khối liệu (N=260) trong nghiên cứu này. Có thể thấy rằng phạm vi biến thiên của số lượng tiếng trong một tựa đề là rất rộng, từ 3 đến 38, tuy nhiên những trường hợp cá biệt này rất hiếm gặp.

Bảng 2: Tựa đề bài báo nghiên cứu trong khối liệu và số lượng tiếng

Nội dung	Số lượng	Số	
		lượng tựa đề	%
1. Lượng tiếng trung bình cho một tựa đề	15,03	X	X
2. Lượng tiếng nhiều nhất cho một tựa đề	38	1	0.38
3. Lượng tiếng ít nhất cho một tựa đề	3	1	0.38
4. Lượng tiếng được dùng phổ biến nhất trong các tựa đề	14	27	10.38

Chú thích: X= không có giá trị

Một quan sát thú vị từ kết quả trình bày trong Bảng 2 là độ dài trung bình của một tựa đề trong khối liệu (15.03) và số lượng tiếng được nhiều tác giả sử dụng nhất trong tựa đề (14) là không có khác biệt lớn. Tuy nhiên, vì tỷ lệ loại tựa đề này nhỏ hơn nhiều so với mức 60%, mức xác định mức độ phổ quát sử dụng thường hay sử dụng trong nghiên cứu thể loại ESP nên chúng tôi thấy cần phải mở rộng biên độ số lượng để đảm bảo mức xác định này. Ngoài số MODE là 14, thứ tự số lượng tiếng được các tác giả sử dụng nhiều trong tựa đề lần lượt là: 12 (8.85%); 13 (7.69%); 10 (7.31%); 15 (6.92%); 11 và 19 (6.54%). Có thể thấy được mức chặn dưới cho biên độ này là 10, và nếu tính toán mở rộng thêm về các đơn vị bên phải số 15 (lượng từ trung bình cho một tựa

đề) thì đến số 18 thì tỷ lệ % cộng dồn đã là 61.53%. Dựa trên cơ sở phân tích khối liệu đã trình bày, có thể định lượng phạm vi phổ biến cho lượng tiếng trong một tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ trong tiếng Việt trên thực tế xuất bản là từ 10 đến 18 đơn vị. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng phạm vi được xác định này nên được xem là mang giá trị tham khảo cho các tác giả sẽ xây dựng tựa đề cho bài viết nghiên cứu trong ngành ngôn ngữ của mình. Các tác giả hoàn toàn có thể xây dựng tựa đề dài hơn giới hạn này như có thể thấy trong kết quả phân tích khối liệu. Việc tựa đề bài báo nghiên cứu trong tiếng Việt có độ dài lớn, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, theo lý giải của Trịnh Sâm (2000), có thể là do phạm vi nghiên cứu tương đối hẹp hoặc do đặc thù nghiên cứu trong lĩnh vực này mang tính nhân văn, xã hội phức tạp, phụ thuộc vào thế giới quan của tác giả, nên cần phải có nhiều từ, cụm từ giúp xác định phạm vi và rào đón nội dung sẽ trình bày.

3.2 Cấu trúc tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ trong tiếng Việt

Kết quả cấu trúc tựa đề bài báo nghiên cứu trong khối liệu của nghiên cứu này xét theo các tiêu chí phân loại ở mục (i) trong phần 2.2.2 Quy trình thực hiện nghiên cứu ở trên được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3: Cấu trúc tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ

Cấu trúc tựa đề	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Tựa đề là cụm danh từ	181	69.62
2. Tựa đề là cụm động từ	40	15.38
3. Tựa đề là cụm giới từ	11	4.23
4. Tựa đề ghép	14	5.38
5. Tựa đề có tiêu đề phụ	13	5.0
6. Tựa đề là câu hỏi	1	0.38
Tổng	260	100

Nhìn vào Bảng 3, có thể thấy kết cấu phổ biến nhất mà các tác giả nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam đặt tựa đề bài báo nghiên cứu của mình là cụm danh từ. Kết quả tương đồng với kết quả nghiên cứu của Haggan (2004) với cấu trúc tựa đề là cụm danh từ được tìm thấy có tỷ lệ cao nhất, ở mức 41,85%. Tương tự, kết quả trên cũng xác nhận kết quả

Soler (2007, 2011) báo cáo về tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ học trong tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha (cao nhất, có tỷ lệ lần lượt là 38%, 60% và 63,75%). Cũng nên lưu ý là khối liệu trong nghiên cứu của Haggan và Soler được thu thập từ các tạp chí nghiên cứu ngôn ngữ lớn nhưng thời gian xuất bản cách đây đã khá lâu, trong khoảng 1996-2002. Ở Việt Nam, trong nghiên cứu của mình, Trịnh Sâm (2000) cũng có được kết quả là 49,4% tựa đề là cụm danh từ (tổng số bài báo trong khối liệu là 100, thu thập từ năm 1975 trở đi), dường như đây cũng là tỷ lệ cao nhất trong nghiên cứu của tác giả này. Tuy nhiên, tỷ lệ cụm danh từ là tựa đề phát hiện trong nghiên cứu của chúng tôi vẫn cao nhất so với các kết quả đã công bố. Việc các tác giả sử dụng nhiều kiểu cấu trúc này có thể được giải thích bởi chức năng định danh, nêu tên đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của danh từ/cụm danh từ (Trịnh Sâm, 2000), khả năng cung cấp và nén chặt nhiều thông tin của cụm danh từ khi kết hợp với các từ, cụm từ, mệnh đề khác để thỏa mãn tiêu chí nhiều thông tin và chiếm ít không gian, như thường được khuyến khích trong các tài liệu hướng dẫn viết tựa đề bài báo nghiên cứu (ví dụ : Day, 1979).

Điểm khác biệt lớn nhất trong kết quả nghiên cứu của chúng tôi so với các nghiên cứu của Haggan (2004), Soler (2007, 2011), Jalilifar (2010), và Cheng, Kuo, & Kuo (2012) đã công bố trong tiếng Anh nằm ở chỗ hai cấu trúc tựa đề phổ biến nhất trong các nghiên cứu của các tác giả trên là : (1) cụm danh từ, (2) tựa đề ghép (Haggan, 2004 ; Soler, 2007, 2011) và (1) tựa đề ghép và (2) cụm danh từ (Jalilifar, 2010 ; Cheng, Kuo, & Kuo, 2012) trong khi kết quả nghiên cứu của chúng tôi lại là: (1) cụm danh từ và (2) cụm động từ. Sự khác biệt trong cách cấu tạo tựa đề bài báo nghiên cứu của các tác giả người Việt có thể cho thấy đặc trưng văn hóa ngôn ngữ riêng của nghiên cứu ngôn ngữ trong tiếng Việt. Ngoài ra, cũng có khả năng các tác giả người Việt viết sau tham khảo và bắt chước cách xây dựng tựa đề của những người đi trước như một phương cách an toàn cho bài nghiên cứu của mình, hệ quả của việc thiếu các tài liệu hướng

dẫn các cách khác nhau để xây dựng một tựa đề hiệu quả cho bài báo nghiên cứu chuyên ngành ngôn ngữ. Một điểm khác biệt nữa là cấu tạo tựa đề có tiêu đề phụ dường như là nét đặc thù cho tựa đề bài báo nghiên cứu ngôn ngữ trong tiếng Việt vì kiểu cấu tạo này hoàn toàn không được phát hiện và báo cáo trong các nghiên cứu về tựa đề bằng tiếng Anh đã nêu ở trên.

Gợi ý cho nhiều sự chọn lựa hơn trong việc xây dựng một tựa đề hiệu quả cho bài báo nghiên cứu lĩnh vực ngôn ngữ ở Việt Nam và xu hướng hiện nay trong nghiên cứu quốc tế tốt nhất sẽ được thể hiện qua so sánh kết quả hai cấu trúc tựa đề phổ biến nhất trong nghiên cứu của chúng tôi và hai nghiên cứu gần đây của Jalilifar (2010) và Cheng, Kuo, & Kuo (2012). Các tác giả này xem xét hai tập khối liệu số lượng lớn nhất và gần đây nhất trong các nghiên cứu đã thực hiện (997 tựa đề của các bài báo khoa học chất lượng cao xuất bản trong khoảng 2002-2009 trong nghiên cứu của Jalilifar; và 796 tựa đề bài báo xuất bản từ năm 1999 đến năm 2008 trong nghiên cứu của Cheng, Kuo & Kuo). Điểm chung trong kết quả của hai nghiên cứu này là vị trí quán quân, phổ biến vượt trội về cách xây dựng tựa đề ghép của các tác giả viết bài nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ trong tiếng Anh. Có thể thấy, lựa chọn xây dựng tựa đề là cụm danh từ, cấu trúc được tìm thấy phổ biến nhất trong nghiên cứu của chúng tôi và trong các kết quả của Haggan (2004), và Soler (2007, 2011), không còn là sự lựa chọn được đa số tác giả bài báo nghiên cứu ưu ái.

Cấu trúc tựa đề ghép có một số ưu điểm quan trọng giúp tác giả bài viết giới thiệu về nội dung nghiên cứu trong bài viết của mình một cách có hiệu quả và thu hút người đọc. Thứ nhất, cấu trúc ghép cho người viết bài một lựa chọn phong cách xây dựng tựa đề mới, mang tính thay thế tốt hơn cho các cấu trúc thường dùng khác mà người đọc đã quen thuộc (Soler, 2007 ; Cheng *et al.*, 2012). Bên cạnh đó, tựa đề ghép chứa đựng và nén nhiều thông tin hơn về nghiên cứu sẽ báo cáo trong bài viết thông qua mối liên hệ giữa hai thành tố của tựa đề, ví dụ các mối quan hệ nguyên nhân – kết

quả, khái quát – cụ thể, chủ đề - phương pháp, chính – phụ (Swales & Feak, 2004), hay định hướng nghiên cứu – mô tả, chủ đề - phạm vi nghiên cứu (Anthony, 2001). Kết quả khảo sát về cấu trúc phổ biến tựa đề bài báo nghiên cứu tiếng Việt ngành ngôn ngữ của chúng tôi đồng thời cho thấy dường như nhiều tác giả nghiên cứu ngôn ngữ học ở Việt Nam vẫn chưa được cập nhật về xu hướng này trong cấu tạo tựa đề bài báo nghiên cứu ngôn ngữ trên phạm vi quốc tế để sử dụng trong tựa đề của mình. Thực tế này gợi lên sự cấp thiết trong việc nâng cao chất lượng ngôn ngữ cho bài nghiên cứu thông qua việc xem xét tất cả các nội dung của bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ ở Việt Nam, trong đó có phần tựa đề. Cần cập nhật và so sánh kết quả khảo sát với các kết quả nghiên cứu của các tác giả nước ngoài để xây dựng giáo trình, viết sách tham khảo và đưa vào giảng dạy cách xây dựng bài báo nghiên cứu chuyên ngành có chất lượng trong tiếng Việt trong các trường đại học, các viện nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam.

4 KẾT LUẬN

Qua bài viết này, chúng tôi đã trình bày kết quả nghiên cứu bước đầu về độ dài và cấu trúc tựa đề dựa trên khảo sát 260 tựa đề của 260 bài báo nghiên cứu tiếng Việt đăng trong hai tạp chí chuyên ngành ngôn ngữ lớn ở Việt Nam. Sau đây là tóm tắt một số kết quả nghiên cứu chính căn cứ vào quá trình phân tích dữ liệu và so sánh với kết quả nghiên cứu tương tự của các tác giả nước ngoài:

(i) Độ dài trung bình của một tựa đề bài báo nghiên cứu có chất lượng trong ngành ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay là 15 tiếng.

(ii) Đa số các tác giả nghiên cứu sử dụng tựa đề có số tiếng dao động từ 10 đến 18 cho một tựa đề.

(iii) Cấu trúc phổ biến nhất của tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ ở Việt Nam là cấu trúc cụm danh từ. Cấu trúc phổ biến tiếp theo là cụm động từ.

(iv) Cấu trúc phổ biến của tựa đề bài báo nghiên cứu ngành ngôn ngữ ở Việt Nam có vẻ như không trùng hợp với xu hướng trình bày

quốc tế. Trong bài viết nghiên cứu ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phổ biến nhất là tựa đề ghép, sau đó mới đến cụm danh từ.

Do số lượng tựa đề chúng tôi thu thập được để phục vụ cho nghiên cứu này chưa lớn lắm, và thời gian xuất bản tạp chí chỉ giới hạn từ đầu năm 2010 đến đầu năm 2012, chúng tôi rất mong sẽ có những nghiên cứu với quy mô khối liệu lớn hơn và thời gian xuất bản tạp chí dài hơn từ các nhà nghiên cứu ngôn ngữ khác trong tiếng Việt để góp phần xác định giá trị kết quả nghiên cứu này của chúng tôi. Những nghiên cứu tương tự với khối liệu từ các chuyên ngành khác và giữa các chuyên ngành cũng sẽ rất hữu dụng cho việc xác định xem liệu độ dài và kết cấu phổ biến của tựa đề bài báo nghiên cứu trong tiếng Việt, ngoài ảnh hưởng văn hóa trình bày tựa đề bài báo nghiên cứu trong cộng đồng các tác giả người Việt Nam, có chịu ảnh hưởng của chuyên ngành nghiên cứu hay không.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi cảm ơn PGS.TS. Trần Thanh Ái đã đọc bản thảo và cho chúng tôi những nhận xét quý giá để bài viết rõ ràng và hoàn chỉnh hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adnan, Z., 2011. 'Ideal-Problem-Solution' (IPS) Model: A discourse model of research article introductions (RAIs) in education. *Australian Review of Applied Linguistics*, 34(1), 75-103.
- Anthony, L., 2001. Characteristic features of research article titles in Computer Science. *IEEE Transactions on Professional Communication*, 44(3), 187-194.
- Brett, P., 1994. A genre analysis of the results section of sociology articles. *English for Specific Purposes*, 13(1), 47-59.
- Cheng, S. W., Kuo, C-W, & Kuo, C-H. 2012. Research article titles in applied linguistics. *Journal of Academic Language & Learning*, 6(1), A1-A14.
- Day, R. A., 1979. *How to write and publish a scientific paper*. Michigan: Ann Arbor. 160 pp.
- Diệp Quang Ban, 2005a. *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục. 671 pp.
- Diệp Quang Ban, 2005b. *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo Dục. 244 pp.
- Đỗ Hữu Châu, 2006. *Giáo trình từ vựng học tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Haggan, M. 2004. Research paper titles in literature, linguistics and science : dimensions of attraction. *Journal of Pragmatics*, 36, 293-317.
- Hopkins, A. & Dudley-Evans, T., 1988. A genre-based investigation of the discussion sections in articles and dissertations. *English for Specific Purposes*, 7(2), 113-122.
- Hữu Đạt, 2001. *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: NXB ĐHQG Hà Nội. 338 pp.
- Jalilifar, A. 2010. Writing titles in applied linguistics: A comparative study of theses and research articles. *Taiwan International ESP Journal*, 2(1), 29-54.
- Jogthong, C., 2001. *Research article introductions in Thai: genre analysis of academic writing*. Unpublished doctoral dissertation, West Virginia University.
- Kanoksilapatham, B., 2005. Rhetorical structure of biochemistry research articles. *English for Specific Purposes*, 24, 269-292.
- Lim, J. M. H., 2006. Methods section of management research articles: A pedagogically motivated qualitative study. *English for Specific Purpose*, 25, 282-309.
- Nguyễn Kim Thân, 1997. *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục. 637 tr.
- Nguyễn Văn Tuấn, 2011. *Đi vào nghiên cứu khoa học*. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. 305 pp.
- Nwogu, K. N., 1997. The medical research paper: Structure and functions. *English for Specific Purposes*, 16(2), 119-138.
- Phạm Thế Bảo, 2008. *Viết một bài báo khoa học như thế nào?* Tp. Hồ Chí Minh: NXB Lao Động – Xã Hội. 60 pp.
- Pho Phuong Dzung, 2008. Research article abstracts in applied linguistics and educational technology: a study of linguistic realizations of rhetorical structure and authorial stance. *Discourse Studies*, 10(2), 231-250.
- Ruiying, Y., & Allison, D., 2003. Moving from results to conclusions. *English for Specific Purposes*, 22, 365-385.

22. Samraj, B. 2002. Introductions in research articles: variations across disciplines. *English for Specific Purposes*, 21(1), 1-17.
23. Soler, V., 2007. Writing titles in science: An exploratory study. *English for Specific Purposes*, 26, 90-102.
24. Soler, V., 2011. Comparative and contrastive observation on scientific titles written in English and Spanish. *English for Specific Purposes*, 30, 124-137.
25. Swales, J., 1981. *Aspects of article introductions*. Birmingham: The University of Aston. 104 pp.
26. Swales, J., 1990. *Genre analysis: English in academic and research settings*. Cambridge: Cambridge University Press. 260 pp.
27. Swales, J. M., & Feak, C. B., 2004. *Academic writing for graduate students: Essential tasks and skills*. Michigan: The University of Michigan Press. 344 pp.
28. Trịnh Sâm, 2000. *Tiêu đề văn bản tiếng Việt*. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Giáo Dục. 220pp.
29. Wang, Y., & Bai, Y., 2007. A corpus-based syntactic study of medical research article titles. *System*, 35, 388-399.